

Tổng quan nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên - Nhận định ban đầu và định hướng nghiên cứu

Dương Thị Kim Oanh*¹, Đỗ Thị Mỹ Trang²,
Lê Thị Vân Anh³

* Tác giả liên hệ

¹ Email: oanhdtk@hcmute.edu.vn

² Email: mytrang@hcmute.edu.vn

³ Email: ltvanh@hcmute.edu.vn

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
Số 01 Võ Văn Ngân, thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÓM TẮT: Phong cách học tập là sở thích về cách học phù hợp với đặc điểm thể chất, nhận thức, thuộc tính tâm lý và điều kiện học tập của cá nhân. Nghiên cứu phong cách học tập giúp giảng viên nhận diện được các dạng phong cách học tập của sinh viên để lựa chọn chiến lược dạy học, đáp ứng nhu cầu và nâng cao kết quả học tập của người học. Bài viết khái quát hai hướng nghiên cứu chính về phong cách học tập của sinh viên từ phân tích tài liệu gồm: 1) Nghiên cứu dạng phong cách học tập và thang đo phong cách học tập của sinh viên; 2) Nghiên cứu tác động của phong cách học tập tới thành tích học tập của sinh viên và chiến lược dạy học của giảng viên. Ngoài ra, bài viết xác định các khoảng trống trong nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên và đề xuất các định hướng nghiên cứu chuyên sâu về phong cách học tập để đáp ứng yêu cầu đổi mới của dạy học phát triển năng lực cho sinh viên theo các phương thức dạy học trực tiếp và trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam. Việc triển khai các định hướng nghiên cứu đề xuất sẽ là cơ sở khoa học để điều chỉnh chiến lược dạy học phát triển năng lực phù hợp với sở thích về cách học của sinh viên theo phương thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

TỪ KHÓA: Phong cách học tập, phong cách học tập của Kolb, danh mục VARK, phong cách học tập thị giác và thính giác, phong cách học tập của Grasha-Riechmann.

→ Nhận bài 05/02/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 17/3/2023 → Duyệt đăng 15/4/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310403>

1. Đặt vấn đề

Dạy học là quá trình thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của sinh viên nhằm đạt mục tiêu học tập và thực hiện các nhiệm vụ dạy học. Hoạt động dạy và hoạt động học có liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới phong cách học tập của sinh viên. Phong cách học tập là cách học tập của cá nhân [1]. Ở góc độ là một phạm trù trong khoa học giáo dục, thuật ngữ “phong cách học tập” (Learning Style or Learning Preference) có nguồn gốc từ nghiên cứu của Thelen (1954) về động lực của nhóm tại nơi làm việc: “Hoạt động học rất phức tạp vì liên quan đến suy nghĩ, cảm xúc, hành động và nhu cầu nên đòi hỏi người dạy phải tổ chức các dạng hoạt động tương ứng với hoạt động học” [2]. David A. Kolb và cộng sự thực hiện nhiều nghiên cứu chuyên sâu về phong cách học tập dựa trên lý thuyết học tập trải nghiệm. Kolb và cộng sự xác định phong cách học tập là: “Sự khác biệt về cách thức học tập do xu hướng thích một số hành vi học tập nào đó hơn so với hành vi học tập khác” [3] hay “Phong cách học tập là cách học độc đáo của cá nhân dựa trên sở thích của họ đối với 4 giai đoạn của chu trình học tập trải nghiệm gồm: kinh nghiệm cụ thể, quan sát phản

ánh, hình thành khái niệm trừu tượng và thử nghiệm chủ động” [4], [5].

Nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên giúp giảng viên lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với cách học của sinh viên. Bài viết trình bày kết quả phân tích tổng quan các hướng nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên, đưa ra những nhận định ban đầu và đề xuất các hướng nghiên cứu về phong cách học tập để đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ ở các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu để tổng quan các hướng nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên trong giáo dục đại học. Phương pháp phân tích tài liệu được thực hiện theo các bước sau: 1) Sử dụng công cụ Google Search để tìm kiếm tài liệu với các từ khoá như learning styles, learning style and teaching style, learning style in higher education, phong cách học tập, phong cách học tập của sinh viên... ; 2)

Đánh giá tài liệu theo các tiêu chí như loại tài liệu (báo trên tạp chí hay hội thảo, sách ...), loại hình nghiên cứu (nghiên cứu lí thuyết, nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu mô tả); 3) Thời gian xuất bản: 1954 - 2021.

2.1. Nghiên cứu dạng phong cách học tập và thang đo phong cách học tập của sinh viên

Nghiên cứu các dạng phong cách học tập của Kolb và cộng sự

Kolb và Fry (1975) phát triển Danh mục các phong cách học tập (Learning Styles Inventory - LSI) mô tả ưu điểm và hạn chế về phong cách học tập của cá nhân. LSI đo lường mức độ nhấn mạnh tương đối của cá nhân đối với bốn khả năng học tập bằng cách xếp hạng thứ tự bốn từ khóa mô tả những khả năng là: “Cảm xúc”, “Quan sát”, “Tư duy” và “Thực hiện/Làm”. LSI có sáu điểm, trong đó bốn điểm tương ứng với từng khả năng học tập (CE, RO, AC và AE) và hai điểm kết hợp chỉ ra mức độ cá nhân nhấn mạnh tính trừu tượng hơn tính cụ thể (AC - CE) hay thử nghiệm chủ động hơn phản ánh (AE - RO). Kolb và Fry (1975) sử dụng LSI để xác định phong cách học tập của 800 nhà quản lí và sinh viên tốt nghiệp ngành quản lí. Kết quả nghiên cứu khẳng định: 1) Nhà quản lí có xu hướng nhấn mạnh thử nghiệm chủ động (AE) hơn quan sát phản ánh (RO) còn sinh viên tốt nghiệp ngành quản lí đánh giá hình thành khái niệm trừu tượng (AC) cao hơn; 2) Có nhiều mẫu điểm khác nhau khi đo lường phong cách học tập bằng LSI. Dựa trên các mẫu điểm khác nhau, Kolb và Fry (1975), Kolb và Kolb (2013) xác định bốn phong cách học tập phổ biến về mặt thống kê và gọi tên bốn phong cách học tập tương ứng với bốn kiểu người học là: người học hội tụ (Converger), người học phân kì (Diverger), người học đồng hóa (Assimilator) và người học thích nghi (Accommodator) [3], [4].

Trong hơn 50 năm, kể từ khi LSI phiên bản thứ nhất được công bố trong công trình nghiên cứu Các phong cách học tập cá nhân và quá trình học tập (Kolb, 1971) cho đến nay, Kolb và cộng sự liên tục chia sẻ kết quả nghiên cứu danh mục các phong cách học tập, cách tính điểm và đặc điểm của từng dạng phong cách học tập được cập nhật với cộng đồng học thuật. Trong nhiều năm, dựa vào dữ liệu nghiên cứu thực nghiệm và quan sát thực tế về các mức điểm của LSI, Kolb điều chỉnh LSI năm lần. Sự điều chỉnh này là cần thiết vì người học trong từng giai đoạn khác nhau sẽ xuất hiện biểu hiện khác trong từng phong cách học tập, thậm chí nảy sinh thêm các phong cách học tập mới để thích ứng với sự thay đổi về môi trường giáo dục, tiếp cận giáo dục, văn hóa, lịch sử và nhất là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kĩ thuật và công nghệ vào cuối thế kỉ XX và những thập niên đầu của thế kỉ XXI. Phiên bản LSII (Kolb, 1971, 1976) phát triển vào năm 1969, trong đó thuật ngữ “phong cách học tập” để mô tả sự khác biệt

cá nhân về cách học (Kolb và Kolb, 2005). Từ năm 1971 đến năm 1985, phiên bản LSI 2 được cập nhật. Năm 1993, phiên bản LSI 2a được công bố. Phiên bản KLSI 3 và KLSI 3.1 lần lượt được cập nhật vào các năm 1999 và 2005. Trong các phiên bản từ LSI 1 đến KLSI 3.1, danh mục các phong cách học tập chia không gian học tập thành bốn khu vực xác định với bốn phong cách học tập là phân kì, hội tụ, đồng hóa và thích nghi. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, các trường hợp cận biên này thực sự là những phong cách học tập riêng biệt [4]. Năm 2011, cùng với bốn phong cách học tập trước đây, Kolb và Kolb (2013) cập nhật thêm năm phong cách học tập mới thành phân loại chín phong cách học tập trong Danh mục các phong cách học tập của Kolb - Phiên bản 4.0 (KLSI 4.0 - The Kolb Learning Style Inventory - Version 4.0). Phân loại chín phong cách học tập giúp xác định rõ hơn những phong cách học tập độc đáo của cá nhân và giảm đi sự nhầm lẫn về các dạng phong cách học tập có sự giao thoa của bốn phong cách học tập trước đây. Từ các dữ liệu khoa học thu được, Kolb và Kolb (2013) nhận thấy kiểu “cân bằng” thứ năm mô tả những người học đạt điểm ở trung tâm của mô hình phong cách học tập. Sau đó, Kolb và Kolb (2013) phát hiện ra những cá nhân đạt điểm gần đường biên của mô hình phong cách học tập có phong cách học tập khác biệt. Ví dụ: “Phong cách học tập trải nghiệm” được xác định giữa “Phong cách học tập thích nghi” và “Phong cách học tập phân kì”. Bốn phong cách học tập ứng với bốn giai đoạn học tập trong chu trình học tập trải nghiệm là kinh nghiệm (CE), phản ánh (RO), tư duy (AC) và hành động (AE). Bốn phong cách học tập khác đại diện cho các phong cách học tập nhấn mạnh sự lĩnh hội và chuyển đổi kinh nghiệm là tưởng tượng (CE và RO), phân tích (AC và RO), quyết định (AC và AE) và khởi xướng (CE và AE). Phong cách học tập cuối cùng cân bằng cả bốn giai đoạn của chu trình học tập trải nghiệm là cân bằng (CE, RO, AC và AE). Như vậy, danh mục các phong cách học tập của Kolb - Phiên bản 4.0 gồm chín phong cách học tập được phát triển bằng cách chuyển các phong cách học tập từ độ phân giải 4 pixel sang 9 pixel. Chín phong cách học tập trong KLSI 4.0 được sắp xếp có hệ thống trên một không gian học tập hai chiều ứng với bốn giai đoạn trong chu trình học tập trải nghiệm. Không gian học tập hai chiều mô tả hình dạng từng “cánh diều” tương ứng với chín phong cách học tập: Khởi xướng, trải nghiệm, sáng tạo, phản ánh, phân tích, tư duy, quyết định, hành động và cân bằng [4].

Nghiên cứu các dạng phong cách học tập của Fleming

Từ năm 1987, với nỗ lực cải thiện chiến lược dạy học của giảng viên và giúp sinh viên học hiệu quả hơn, Neil D.Fleming phát triển Danh mục VARK (The VARK Inventory) để tìm hiểu về sở thích học tập của sinh viên. VARK là viết tắt của các từ khóa gồm thị giác (Visual), thính giác (Aural), đọc/viết (Read/Write)

và cảm giác vận động (Kinesthetic). Từng từ khóa gắn với mỗi phong cách học tập tương ứng là phong cách học qua nhìn, phong cách học qua nghe, phong cách học qua đọc/viết và phong cách học qua sờ hoặc chạm/vận động/làm. Ngoài 4 phong cách học tập đặc trưng đã nêu, Fleming còn cho rằng, do cuộc sống là sự biểu hiện đa dạng về phương thức thực hiện nên có từ hơn 40% [5] đến 55% - 60% [6] người học sở hữu nhiều hơn một phong cách học tập. Cá nhân có sở thích về một trong số các phong cách học tập không có nghĩa ba phong cách học tập khác không tồn tại.

VARK chỉ ra các phong cách học tập sinh viên có thể sử dụng trong học tập. Các phong cách học tập thuộc Danh mục VARK đều có khả năng mang lại thành công trong học tập khi sinh viên học bằng chính phong cách học tập mà bản thân mong muốn. Trong thực tế, sinh viên có thể phải thực hiện việc học theo những cách do xã hội quy định (thi viết, thi vấn đáp hoặc kiểm tra thực tế) nhưng các chiến lược học nên dựa vào sở thích học tập của chính họ. Câu hỏi trong danh mục VARK không được thiết kế để chẩn đoán hoặc dự đoán khả năng học tập của cá nhân.

Như vậy, kể từ khi bộ câu hỏi VARK đầu tiên được phát triển vào năm 1987, Fleming và cộng sự có nhiều điều chỉnh, cập nhật dạng phong cách học tập trong các phiên bản khác nhau để phù hợp với người học trong bối cảnh mới. Nghiên cứu phương án trả lời ứng với các câu hỏi trong bộ VARK của sinh viên tại trường Đại học Lincoln (New Zealand) tạo cơ sở khoa học cho Fleming và cộng sự mô tả, giải thích sự khác biệt về sở thích học tập cá nhân trong nhiều phiên bản cải tiến. Cùng với sự hỗ trợ của Charles Bonwell (Đại học Dược St Louis, Missouri, Hoa Kỳ), phiên bản VARK 2.0 được giới thiệu vào tháng 1 năm 1998. Sau những lần đánh giá lớn vào năm 2006, 2009 và 2013, bộ câu hỏi VARK liên tục được cập nhật. Năm 2019, bảng câu hỏi VARK được điều chỉnh thành phiên bản VARK 8.0 với 16 câu hỏi về cách học của con người qua các giác quan. Fleming và Bonwell (2019) thiết kế 16 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 phương án trả lời. Fleming và Bonwell (2019) giới thiệu Bộ câu hỏi VARK 8.0 trong nghiên cứu Làm cách nào để học tốt nhất? Hướng dẫn của người học để cải thiện việc học: VARK - Thị giác, thính giác, đọc/viết, cảm giác vận động. Bộ câu hỏi VARK 8.0 tiếp tục được điều chỉnh thành Bộ câu hỏi VARK 8.01. Phiên bản cập nhật VARK 8.01 được giới thiệu trên trang web “VARK - A Guide to Learning Preferences” gồm 16 câu hỏi (<https://vark-learn.com/the-vark-questionnaire/>).

Nghiên cứu các phong cách học tập trong giáo dục kỹ thuật

Felder và Silverman (1988) cho rằng, sinh viên học theo nhiều cách (nhìn và nghe, phản ánh và diễn xuất, lí luận logic và trực giác, ghi nhớ, hình dung, vẽ phép loại suy và xây dựng mô hình toán học). Felder và Silverman (1988) xác định 5 nhóm phong cách học tập

ứng với kiểu người học như sau [7]: 1) Phong cách học tập trực quan và trực giác (Sensing and Intuitive Learning Styles) - người học bằng trực quan và người học bằng trực giác (Sensing and Intuitive Learners); 2) Phong cách học tập thị giác và thính giác (Visual and Auditory Learning Styles) - người học bằng thị giác và người học bằng thính giác (Visual and Auditory Learners); 3) Phong cách học tập quy nạp và diễn dịch (Inductive and Deductive Learning Styles) - người học bằng quy nạp và người học bằng diễn dịch (Inductive and Deductive Learners); 4) Phong cách học tập tích cực và phản ánh (Active and Reflective Learning Styles) - người học tích cực và người học theo kiểu phản ánh (Active and Reflective Learners); 5) Phong cách học tập tuần tự và tổng hợp (Sequential and Global Learning Styles) - người học theo kiểu tuần tự và theo kiểu tổng hợp (Sequential and Global Learners).

Trong nghiên cứu *Đạt đến cấp độ thứ hai: Phong cách học tập và dạy học trong giáo dục khoa học tại trường đại học*, Felder (1993) thay thuật ngữ “Auditory” (thính giác) bằng thuật ngữ có nghĩa rộng hơn là “Verbal” (ngôn ngữ nói) bao hàm cả âm thanh, từ ngữ hoặc công thức được nói hay viết [8]. Việc thay thuật ngữ dẫn đến sự chuyển đổi phong cách học tập thị giác và thính giác (Visual and Auditory Learning Styles) thành phong cách học tập thị giác và ngôn ngữ nói (Visual and Verbal Learning Styles). Với quan niệm, phong cách học tập là sở thích đặc trưng cho cách tiếp nhận và xử lí thông tin, Felder (1993, 1996) đưa ra những đặc điểm chính tương ứng với các phong cách học tập sau [9]: 1) Phong cách học tập trực quan (cụ thể, thực tế, hướng tới sự kiện và thủ tục) hoặc trực giác (khái niệm, sáng tạo, hướng tới lí thuyết và ý nghĩa cơ bản); 2) Phong cách học tập qua thị giác (thích tài liệu trình bày bằng hình ảnh như ảnh, sơ đồ và lưu đồ) hoặc ngôn ngữ nói (thích giải thích ngôn ngữ nói); 3) Phong cách học tập quy nạp (thích bài trình bày đi từ khía cạnh cụ thể đến vấn đề chung/khái quát) hoặc diễn dịch (thích bài trình bày đi từ vấn đề chung/khái quát đến khía cạnh cụ thể); 4) Phong cách học tập tích cực (học qua thử nghiệm, làm việc theo nhóm) hoặc phản ánh (suy nghĩ thấu đáo, thích làm việc một mình hoặc với một hoặc hai bạn học quen thuộc); 5) Phong cách học tập tuần tự (quá trình tư duy tuyến tính, học theo từng bước tăng dần) hoặc phân tích (quá trình tư duy toàn diện, học theo các bước nhảy vọt).

Nghiên cứu các dạng phong cách học tập của Grasha - Richmann

Dựa trên quan sát không chính thức về cách sinh viên tiếp cận với các nhiệm vụ học tập (từ năm 1972), Anthony F. Grasha thấy được sự khác biệt về sở thích học tập của sinh viên khi làm việc với bạn học và giảng viên. Với sự hợp tác của Sheryl Hruska-Riechmann, Grasha đã phát triển danh mục xác định và phân loại các sở thích học tập. Danh mục này là thang đo phong

cách học tập của sinh viên của Grasha-Riechmann (Grasha-Riechmann Student Learning Style Scales - GRSLSS) được sử dụng rộng rãi trong giáo dục đại học. Phong cách học tập là quan điểm cá nhân tác động đến khả năng thu nhận thông tin, tương tác với bạn học và giảng viên của sinh viên cũng như tham gia vào trải nghiệm học tập. Danh mục phong cách học tập của sinh viên của Grasha-Riechmann xác định 6 phong cách học tập gồm cạnh tranh, hợp tác, tránh né, tham gia, độc lập, phụ thuộc [10]: 1) Phong cách học tập cạnh tranh (Competitive Learning Style) - Sinh viên học tập để đạt thành tích tốt hơn sinh viên khác trong lớp; 2) Phong cách học tập hợp tác (Collaborative Learning Style) - Sinh viên học tốt nhất qua chia sẻ ý tưởng và sự hiểu biết của bản thân với người khác; 3) Phong cách học tập tránh né (Avoidant Learning Style) - Sinh viên không nhiệt tình với nội dung học tập và tham gia học tập ở trên lớp; 4) Phong cách học tập tham gia (Participant Learning Style) - Sinh viên thích đi học và tham gia nhiều nhất vào các hoạt động học tập của môn học; 5) Phong cách học tập phụ thuộc (Dependent Learning Style) - Sinh viên ít tìm hiểu, ít nghiên cứu và chỉ học những gì được yêu cầu; 6) Phong cách học tập độc lập (Independent Learning Style) - Sinh viên thích tự suy nghĩ và tin vào khả năng học tập của bản thân. Mặc dù xác định có 6 dạng phong cách học tập song Grasha (2002) khẳng định phong cách học tập tốt nhất là sự pha trộn các phong cách học tập khác nhau. Mỗi phong cách có những ưu điểm và hạn chế nhất định nên không có phong cách học tập nào là tốt hoặc không tốt. Cạnh tranh, phụ thuộc và thậm chí tránh né có vị trí trong cuộc sống của chúng ta cũng như cộng tác, độc lập và tham gia.

Như vậy, phân tích tài liệu về phong cách học tập cho thấy sự phong phú của các dạng phong cách học tập của sinh viên trong học tập. Điều này đòi hỏi giảng viên cần có các chiến lược dạy học linh hoạt và sáng tạo để phù hợp với các dạng phong cách học tập của sinh viên trong không gian lớp học trực tiếp hay trực tuyến.

2.2. Nghiên cứu tác động của phong cách học tập đến thành tích học tập của sinh viên và chiến lược dạy học của giảng viên

Tác động, ảnh hưởng qua lại của phong cách học tập tới hoạt động dạy của giảng viên và học của sinh viên được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Phong cách học tập của sinh viên có thể tác động tới nhiều khía cạnh khác nhau trong lớp học như môi trường học tập, cấu trúc lớp học, phương pháp dạy học [11] và thành tích học tập của sinh viên được cải thiện khi giảng viên thấu hiểu và sử dụng hiệu quả chiến lược dạy học phù hợp với phong cách học tập của sinh viên [12]. Nghiên cứu phong cách học tập giúp giảng viên không chỉ nhận diện được các kiểu phong cách học tập mà còn đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên trong không gian lớp học [13] và cải thiện việc lựa chọn

chiến lược dạy học phù hợp với cách học của sinh viên [14]. Bên cạnh đó, sự hiểu biết về phong cách học tập còn giúp giảng viên tìm ra những cách thức chung mà sinh viên thường áp dụng khi nhận thức, xử lý, diễn giải tài liệu học tập. Trên cơ sở nhận diện được cách thức học chung, giảng viên điều chỉnh, cải tiến hoạt động dạy học cho phù hợp với phong cách học tập của sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sử dụng phong cách học tập cá nhân theo cách hiệu quả nhất trong lớp học. Hiểu biết về phong cách học tập thúc đẩy giảng viên sáng tạo trong sử dụng phương pháp dạy học để đáp ứng sở thích về cách học không giống nhau của những sinh viên khác nhau [15]. Do có sự khác biệt về sở thích học tập nên việc tạo ra sự phù hợp giữa chiến lược dạy học của giảng viên và phong cách học tập của sinh viên sẽ thúc đẩy hiệu quả học tập [16]. Vì vậy, thấu hiểu về phong cách học tập là một thành phần quan trọng trong nền tảng của sự phạm học khai phóng [17] và mang lại lợi ích cho cả giảng viên và sinh viên [18]. Giảng viên xác định được các phong cách học mà sinh viên yêu thích để thiết kế bài giảng và tổ chức các hoạt động học tập phù hợp nhất với người học và sinh viên biết được phong cách học yêu thích của cá nhân sẽ lựa chọn được các phương pháp và cách tiếp cận học nhanh và hiệu quả nhất [18].

Nghiên cứu sự khác biệt về cách học của sinh viên trong lĩnh vực giáo dục kỹ thuật, Felder và Silverman (1988) không chỉ xác định các dạng phong cách học tập khác nhau mà còn đưa ra những gợi ý về chiến lược dạy học nhằm tạo nên sự phù hợp giữa phong cách học tập sinh viên và chiến lược dạy học của giảng viên trong không gian lớp học [8]. Felder (1996) cho rằng, nghiên cứu các phong cách học tập sẽ hữu ích cho việc tạo nên sự cân bằng giữa hướng dẫn dạy học với các thành phần khác nhau của phong cách học tập, qua đó đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên [9]. Felder và Silverman (1988), Felder (1996) đưa ra một số gợi ý về chiến lược dạy học để phù hợp với các dạng phong cách học tập của sinh viên như sau [7], [9]: 1) Khi dạy nội dung lý thuyết, giảng viên trình bày các hiện tượng và vấn đề liên quan đến lý thuyết trước (trực giác, quy nạp, tổng hợp), gắn kết nội dung với kinh nghiệm của sinh viên đã có về môn học đang học và những môn học khác của chương trình đào tạo (quy nạp, tổng hợp); 2) Cung cấp hình ảnh minh họa rõ ràng về mẫu trực giác (suy luận logic, nhận dạng mẫu, khái quát hóa) và mẫu trực quan (quan sát môi trường xung quanh, thí nghiệm thực nghiệm, chú ý đến chi tiết), khuyến khích tất cả sinh viên thực hiện cả hai mẫu (trực quan); 3) Để minh họa một khái niệm trừu tượng hoặc thuật toán giải quyết vấn đề, hãy sử dụng ít nhất một ví dụ số (trực giác) để bổ sung cho ví dụ đại số thông thường (trực quan); 4) Cho sinh viên quan sát thực nghiệm trước khi trình bày nguyên tắc chung và yêu cầu sinh viên (tốt nhất là làm việc theo nhóm) khái quát vấn đề từ hiện tượng đã quan

sát (quy nạp); 5) Giao bài tập thực hành để sinh viên thực hành vận dụng kiến thức lí thuyết (trực quan, tích cực, tuần tự) có phân tích (trực giác, phản ánh, tổng hợp); 6) Khuyến khích sinh viên trình bày theo logic các chủ đề học tập riêng lẻ (tuần tự), nhưng cũng chỉ ra mối liên hệ giữa nội dung học tập hiện tại với nội dung liên quan khác trong cùng môn học, liên môn học, liên ngành học và trong trải nghiệm hàng ngày (tổng hợp).

Nghiên cứu cách thức thúc đẩy hiệu quả dạy học qua học tập dựa theo phong cách học tập và cách tư duy, Ginting (2017) tìm hiểu mối quan hệ giữa phong cách học tập của sinh viên và cách tư duy đối với chiến lược dạy học hiệu quả đối với 360 sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh tại Đại học Medan - năm học 2015-2016. Thông qua phiếu hỏi và bài kiểm tra đối với 82 sinh viên được lựa chọn ngẫu nhiên cho thấy có mối tương quan đáng kể giữa cách học và cách suy nghĩ. Điều này chứng minh phong cách học tập và cách tư duy góp phần vào việc giảng dạy hiệu quả [19].

Ilçin và cộng sự (2018) nghiên cứu mối quan hệ giữa phong cách học tập và kết quả học tập 184 sinh viên ngành Vật lí trị liệu tại Thổ Nhĩ Kỳ bằng thang đo phong cách học tập của Grasha-Riechmann [20]. Nghiên cứu này sử dụng điểm trung bình tích lũy là thước đo kết quả học tập và so sánh kết quả học tập giữa sáu nhóm phong cách học tập (Độc lập, Phụ thuộc, Cạnh tranh, Hợp tác, Tránh né và Tham gia) của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phong cách học tập phổ biến nhất là Hợp tác (34,8%). Kết quả học tập có tương quan nghịch với điểm Tránh né ($p < 0,001$, $r = - 0,317$) và tương quan thuận với điểm của Tham gia ($p < 0,001$, $r = 0,400$). Kết quả học tập của nhóm phong cách học tập của Tham gia cao hơn đáng kể so với tất cả các nhóm còn lại ($p < 0,003$). Mặc dù phong cách học tập phổ biến nhất của sinh viên ngành Vật lí trị liệu là Hợp tác song phong cách học tập Tham gia giúp tăng đáng kể kết quả học tập. Do đó, áp dụng các chiến lược dạy học theo phong cách học tập Tham gia sẽ góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên ngành Vật lí trị liệu.

Nghiên cứu ảnh hưởng của phong cách học tập đến kết quả học tập của 65 sinh viên ngành Sư phạm tiểu học tại Đại học Bang Malang (Indonesia) vào các năm 2016 và 2017 cho thấy, sinh viên có sở thích về cách học qua thị giác, thính giác và xúc giác. Tuy nhiên, các phong cách học tập thị giác, thính giác và xúc giác ít ảnh hưởng tới kết quả học tập của sinh viên ngành Sư phạm tiểu học [21]

Tại Việt Nam, một số nhà nghiên cứu tập trung tìm hiểu các dạng phong cách học tập của sinh viên và đưa ra đề xuất về chiến lược dạy học cho giảng viên. Tuy nhiên, các đề xuất trong những nghiên cứu này chưa được thực nghiệm để kiểm chứng kết quả (Đặng Duy Thái, 2015., Lưu Hớn Vũ, 2021., Nguyễn Thị Phương Thảo, 2021., Nguyễn Hoàng Long và Ngô Xuân Long,

2021). Nghiên cứu vận dụng mô hình phong cách học tập Kolb vào định hướng phương pháp giảng dạy cho sinh viên, học viên các môn khoa học tự nhiên, kĩ thuật và quân sự, Đặng Duy Thái (2016) xác định mô hình phong cách học tập của Kolb với 4 nhóm phong cách học tập có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình dạy học. Đặng Duy Thái (2016) cho rằng, các môn học khoa học tự nhiên, kĩ thuật, quân sự khác với các môn khoa học xã hội và nhân văn ở chỗ chúng sử dụng và thể hiện rõ nét tất cả các phương pháp thích ứng với các mô hình phong cách học tập của Kolb. Các đề xuất nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình dạy học theo phong cách học tập của sinh viên chưa được kiểm chứng bằng thực nghiệm [22].

Lưu Hớn Vũ (2021) sử dụng thang đo phong cách học tập (Perceptual Learning Style Preference Questionnaire) của Reid (1984) để khảo sát phong cách học tập ngoại ngữ hai - tiếng Trung Quốc của 205 sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu xác định các loại phong cách học tập đều thuộc cấp độ phong cách học tập chính, trong đó phong cách học tập được yêu thích nhất là thính giác. Phong cách học tập loại vận động có mối tương quan thuận với kết quả học tập của sinh viên ($p < 0,05$). Sinh viên càng thích phong cách học tập loại vận động thì có kết quả học tập càng cao và ngược lại [23]. Tuy nhiên, nhận định về mối quan hệ giữa phong cách học tập và kết quả học tập chưa được kiểm chứng bằng thực nghiệm (2021).

Nghiên cứu tìm hiểu phong cách học yêu thích của 158 sinh viên Cử nhân Điều dưỡng năm thứ 2 đại học hệ Chính quy của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên dựa trên bộ câu hỏi VARK của Flemming của Nguyễn Hoàng Long và Ngô Xuân Long (2021) cho thấy, có 32,7% sinh viên không có yêu thích rõ ràng một phong cách học nào. Có gần 1/3 (28,2%) sinh viên chỉ yêu thích 1 phong cách học, tỉ lệ sinh viên yêu thích cùng lúc 2, 3, và cả 4 phong cách lần lượt là 17,9%, 12,2% và 9%. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ yêu thích của sinh viên với phong cách học Thính giác, Đọc/Viết và Vận động. Tuy nhiên, mức độ yêu thích của sinh viên với phong cách học Thị giác lại thấp hơn hẳn so với cả ba phong cách học còn lại. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực trạng phong cách học tập của sinh viên ngành Điều dưỡng, Nguyễn Hoàng Long và Ngô Xuân Long (2021) cho rằng, trong quá trình thiết kế bài giảng, giảng viên không nên chỉ tập trung vào một phương pháp tiếp cận mà nên lưu tâm nhiều hơn tới việc thiết kế bài giảng đáp ứng nhiều phong cách học khác nhau, đặc biệt là Thính giác, Đọc/Viết và Vận động [24]. Tuy nhiên, đề xuất tác động tới kết quả học tập của sinh viên và hoạt động dạy học của giảng viên chưa được kiểm chứng bằng thực nghiệm.

Như vậy, các nghiên cứu về tác động của dạng phong

cách học tập tới thành tích học tập của sinh viên và chiến lược dạy học của giảng viên chỉ ra tầm quan trọng của việc nhận thức đầy đủ về phong cách học tập của sinh viên để điều chỉnh chiến lược dạy học phù hợp, qua đó góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

3. Kết luận và định hướng nghiên cứu

Phong cách học tập của sinh viên là sở thích về cách học phù hợp với cá nhân song có mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động thiết kế, tổ chức dạy học của giảng viên và ảnh hưởng tới kết quả học tập của sinh viên. Tổng quan các nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên cho thấy, các nhà khoa học trên thế giới không chỉ xác định các dạng phong cách học tập của sinh viên và biểu hiện của chúng mà còn phát triển các công cụ đo lường dạng phong cách học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, mối quan hệ tác động giữa phong cách học tập và thiết kế/tổ chức dạy học của giảng viên và thành tích học tập của sinh viên cũng được phân tích sâu về mặt cơ sở lý luận và nghiên cứu thực nghiệm. Tại Việt Nam, vấn đề phong cách học tập của sinh viên chủ yếu được nghiên cứu mô tả để xác định dạng phong cách học tập của sinh viên, mối quan hệ giữa phong cách học tập và kết quả học tập. Nghiên cứu thực nghiệm để chứng minh mối quan hệ tác động giữa sử dụng chiến lược dạy học phù hợp với phong cách học tập của sinh viên và thành tích học tập của họ chưa được thực hiện. Các kết quả tổng quan này chỉ ra khoảng trống rất lớn trong nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên trước: 1) Yêu cầu đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực cho sinh viên để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo của nhà tuyển dụng; 2) Quá trình chuyển đổi số đang diễn ra nhanh chóng trong các cơ sở giáo dục đại học làm nảy sinh

các phương thức đào tạo mới, phi truyền thống dẫn đến sự đa dạng của các phương thức học tập dựa trên sự hỗ trợ của công nghệ như học tập trực tuyến, học tập hỗn hợp (Hybrid Learning), học tập kết hợp (Blended Learning). Từ các khoảng trống trong nghiên cứu tổng quan về phong cách học tập của sinh viên, bài báo đề xuất một số định hướng nghiên cứu chính về phong cách học tập của sinh viên để đáp ứng yêu cầu về đổi mới dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên và xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học tại Việt Nam gồm: 1) Nghiên cứu dạng phong cách học tập của sinh viên các ngành học theo phương thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến; 2) Nghiên cứu tác động của phong cách học tập của sinh viên theo phương thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến đối với thành tích học tập của sinh viên; 3) Nghiên cứu mối quan hệ giữa phong cách học tập của sinh viên và chiến lược dạy học của giảng viên theo phương thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến; 4) Nghiên cứu phát triển thang đo phong cách học tập phù hợp với đặc điểm sinh viên Việt Nam ứng với ngành học; 5) Nghiên cứu phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với phong cách học tập của sinh viên các ngành học theo phương thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến. Những kết quả nghiên cứu này là cơ sở khoa học cho việc thiết kế các chiến lược dạy học và đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực phù hợp với phong cách học tập của sinh viên theo phương thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

Lời cảm ơn: Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Trường về phong cách học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Mã số T2022-170.

Tài liệu tham khảo

- [1] Oxford Reference, (2023), *Learning Style*, Oxford University Press, <https://www.oxfordreference.com/display/10.1093/acref/9780199298761.001.0001/acref-9780199298761-e-1693;jsessionid=EE634DEF40F8191914B48C28F0B453E5>.
- [2] Thelen, H. A., (1954), *Dynamics of Groups at Work*. Chicago, The University of Chicago Press.
- [3] Kolb, D. A., Fry, R. E., (1975), *Toward an applied theory of experiential learning*. In C. Cooper (ed.), *Theories of group processes*. N.Y.: John Wiley & Sons, https://www.researchgate.net/publication/238759143_Toward_an_Applied_Theory_of_Experiential_Learning.
- [4] Kolb, A. Y., Kolb, D. A., (2013), *The Kolb Learning Style Inventory - Version 4.0: A Comprehensive Guide to the Theory, Psychometrics, Research on Validity and Educational Applications*, <https://learningfromexperience.com/downloads/research-library/the-kolb-learning-style-inventory-4-0.pdf>.
- [5] Fleming, N. D., Mills, C., (1992), *Not Another Inventory, Rather a Catalyst for Reflection*, To Improve the Academy, Vol. 11, pp.137.
- [6] Fleming, N. D., Bonwell, C. C. (2019), *How do I learn best? A learner's guide to improved learning - V A R K: Visual, Aural, Read/Write, Kinesthetic*, <https://varklearn.com/wp-content/uploads/2019/07/How-Do-I-Learn-Best-Sample.pdf>.
- [7] Felder, R. M., Silverman, L.K., (1988), *Learning and Teaching Styles In Engineering Education*, Journal of Engineering Education, 78(7), p.674-681.
- [8] Felder, R. M., (1993), *Reaching the Second Tier: Learning and Teaching Styles in College Science Education*, Journal of College Science Teaching, 23(5), p.286-290.
- [9] Felder, R. M., (1996), *Matters of Style*, ASEE Prism, 6(4), p.18-23.
- [10] Grasha, A. F., (2002), *Teaching With Style: A Practical Guide to Enhancing Learning by Understanding Teaching and Learning Styles*, Alliance Publishers.
- [11] Burris, S., Kitchel, T., Molina, Q., Vincent, S., Warner, W., (2008), *The language of learning styles*. Techniques:

- Connecting Education & Careers, 83(2), pp 44 - 48.
- [12] Gooden, D. J., Preziosi, R. C., Nova, B. B, (2009), *An Examination Of Kolb's Learning Style Inventory*, American Journal of Business Education, Vol 2, No 3, pp.57 - 62.
- [13] Wilson, M. L, (2011), *Students' learning style preferences and teachers' instructional strategies: Correlations between matched styles and academic achievement. A Dissertation Presented in Partial Fulfillment Of the Requirements for the Degree Doctor of Education*, Liberty University, Lynchburg, VA.
- [14] Zapalska, A., Dabb, H, (2002), *Learning styles*, Journal of Teaching in International Business, 13(3/4), pp.77-97, <https://digitalcommons.liberty.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1504&context=doctoral>.
- [15] Wu. C.Y., Fazarro, D. E, (2013), *Investigation of learning styles preferences of business students*, Journal for Workforce Education and Development, Volume VI, Issue 2.
- [16] Dunn. R. S., Dunn. K.J, (1979), *Learning Styles/Teaching Styles: Should They... Can They... Be Matched?*, Educational Leadership, http://www.ascd.org/ASCD/pdf/journals/ed_lead/el_197901_dunn.pdf.
- [17] Fielding, M, (1994), *Valuing difference in teachers and learners: building on Kolb's learning styles to develop a language of teaching and learning*, The Curriculum Journal, Vol 5(3), pp.393-417, DOI: 10.1080/0958517940050310.
- [18] Romanelli. F., Bird. E., Ryan. M, (2009), *Learning Styles: A Review of Theory, Application, and Best Practices*. American Journal of Pharmaceutical Education 2009; 73 (1) Article 9, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC2690881/>.
- [19] Ginting, S. A, (2017), *A Facilitating Effective Teaching through Learning Based on Learning Styles and Ways of Thinking*, Dinamika Ilmu, Volume 17(2).
- [20] İlçin. N., Tomruk, M., Yeşilyaprak. S, S., Karadibak. D., Savcı, S, (2018), *The relationship between learning styles and academic performance in TURKISH physiotherapy students*, BMC Med Educ 18, 291, <https://doi.org/10.1186/s12909-018-1400-2>
- [21] Magulod, G.C., Jr, (2019), *Learning styles, study habits and academic performance of Filipino university students in applied science courses: Implications for instruction*, Journal of Technology and Science Education, 9(2), p.184-198, <https://doi.org/10.3926/jotse.504>.
- [22] Đặng Duy Thái, (2016), *Vận dụng mô hình phong cách học tập Kolb vào định hướng phương pháp giảng dạy cho sinh viên, học viên các môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật, quân sự*, Tạp chí Giáo dục, kì 1-2, tr.40- 42.
- [23] Lưu Hón Vũ, (2021), *Phong cách học tập ngoại ngữ thứ hai - Tiếng Trung Quốc: Nghiên cứu trường hợp sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh*, VNU Journal of Foreign Studies, 37(2), 172 - 181.
- [24] Nguyễn Hoàng Long - Ngô Xuân Long, (2021), *Phong cách học tập yêu thích của sinh viên Điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên*, Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y - Dược Huế - Số 2, tập 11, tr.28 - 31.
- [25] Putra, A.P., Pratiwi, I, (2020), *The Effect of Learning Style Preferences on Student Learning Outcomes*, Advances in Social Science, Education and Humanities Research, volume 501, tr.442-446.

A REVIEW ON STUDENTS' LEARNING STYLES - INITIAL COMMENTARY AND RESEARCH ORIENTATIONS

Dương Thị Kim Oanh*¹, Đỗ Thị Mỹ Trang²,
Lê Thị Vân Anh³

* Corresponding author

¹ Email: oanhdtk@hcmute.edu.vn

² Email: mytrang@hcmute.edu.vn

³ Email: ltvanh@hcmute.edu.vn

Ho Chi Minh City University of Technology and Education
01 Vo Van Ngan street, Thu Duc city,
Ho Chi Minh City, Vietnam

ABSTRACT: Learning style is a preference for a way of learning matching with an individual's physical, cognitive, psychological attributes, and learning conditions. Researching on learning styles helps lecturers identify different types of students' learning styles for selecting teaching strategies to meet students' learning needs and improve their learning outcomes. The article generates two main research directions on students' learning styles from document analysis, including (1) Research on students' learning styles and students' learning style scales; (2) Studying the impact of learning styles on students' learning outcomes achievement and teaching strategies of lectures. In addition, the article also identifies gaps in the research on students' learning styles and proposes in-depth research orientations to meet the requirements of reforming teaching and learning based on developing students' competence for students using both face-to-face and online teaching methods in higher education institutions in Vietnam. Deploying the proposed research orientations will serve as a scientific basis for adjusting teaching strategies to develop competencies in line with students' preferences in face-to-face or online teaching modes.

KEYWORDS: Learning style, Kolb's learning styles, VARK inventory, visual and auditory learning styles, Grasha-Riechmann student learning style scale.